

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dạng.

Ông Huỳnh Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông Phạm Quốc T tự tìm hiểu, yêu thương và đăng ký hôn với nhau, đã được UBND xã P, huyện A, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 26/4/2017. Giữa bà và ông T có 01 người con chung tên Phạm Ngọc L, sinh ngày 27/3/2017. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông T thường xuyên ăn nhậu, chơi bời, không lo hỗ trợ nuôi con và có hành vi bạo lực với bà, do lo sợ bà phải bỏ trốn về nhà và sống ly thân đến nay được khoảng 02 năm, trong thời gian ly thân thì ông T có về thăm con một lần nhưng bà và ông T không gặp nhau. Đến nay tình cảm của bà dành cho ông T không còn nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Quốc T.
- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phạm Ngọc L và không yêu cầu ông Phạm Quốc T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Quốc T vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì thấy: Bà D khởi kiện ly hôn và nuôi con chung, ông T đã được tổng đặt văn bản đúng quy định và không có văn bản trình bày ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông T. Đối với con chung đang sống với bà D, ông T không có tranh chấp nuôi con nên đề nghị giao cháu L cho bà D nuôi dưỡng. Về án phí đề nghị xem xét nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các vấn đề khác không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà D khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến lần thứ hai, nguyên đơn bà D có đơn xin vắng mặt và bị đơn ông T vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện A, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 26/4/2017 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà Q có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà D với ông T không sống chung với nhau. Bà D giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông T đã được thông báo về việc bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn và không có ý kiến đối với vấn đề hôn nhân của mình, không tham gia hòa giải tại tòa đã cho thấy mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà D và ông T có một người con chung là Phạm Ngọc L, sinh ngày 27/3/2017. Theo bà D trình bày thì cháu L đang sống với bà và khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu L cho bà D

nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu L (bl 21); ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Về cấp dưỡng cho con, bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Phạm Quốc T.
2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc L, sinh ngày 27/3/2017 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.
3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008071 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà D đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã P, huyện A, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai